

Số: *M* /2011/QĐ-UBND

Gia Nghĩa, ngày 15 tháng 02 năm 2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy định chính sách khuyến khích đối với hoạt động
trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao,
môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Đã thay đổi? - NH 59 → Căn cứ Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ quy định danh mục chi tiết các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn của các cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2010/NQ-HĐND ngày 23/12/2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông về việc thông qua Quy định về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 31/TTr-STC ngày 28 tháng 01 năm 2011,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quy định chính sách khuyến khích đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành;
Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và
Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTT (D).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Diễn

QUY ĐỊNH

Về chính sách khuyến khích đối với hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông
(Ban hành kèm theo Quyết định số 11 /2011/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 của UBND tỉnh Đắk Nông) *JW*

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng chính sách khuyến khích xã hội hóa.

1. Phạm vi điều chỉnh: các hoạt động đầu tư thuộc các lĩnh vực giáo dục đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và môi trường trên địa bàn tỉnh Đắk Nông (sau đây gọi tắt là dự án xã hội hóa) thuộc danh mục, loại hình và đáp ứng các tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn ban hành kèm theo Quyết định số 1466/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Các cơ sở ngoài công lập được thành lập và có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các lĩnh vực xã hội hóa;

b) Các tổ chức, cá nhân hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có các dự án đầu tư, liên doanh, liên kết hoặc thành lập các cơ sở hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa có đủ điều kiện hoạt động theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

c) Các cơ sở sự nghiệp công lập thực hiện góp vốn, huy động vốn, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật thành lập các cơ sở hạch toán độc lập hoặc doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực xã hội hóa theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (Sau đây gọi tắt là cơ sở thực hiện xã hội hóa).

Điều 2. Điều kiện áp dụng chính sách hỗ trợ, khuyến khích xã hội hóa.

Dự án xã hội hóa thuộc khoản 1, Điều 1 Quy định này ngoài việc phải đảm bảo điều kiện quy định tại Điều 2 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ, mục II Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính và các điều kiện sau đây để được áp dụng các chính sách hỗ trợ, khuyến khích:

1. Dự án xã hội hóa đã thể hiện trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; thể hiện trong quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa phải cam kết đảm bảo thực hiện đúng tiến độ, sử dụng đất đúng mục đích theo dự án đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với diện tích đất trong cùng một dự án không sử dụng cho mục đích xã hội hóa thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 1 Quy định này thì không được áp dụng các chính sách khuyến khích, hỗ trợ tại Quy định này.

Chương II **CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH XÃ HỘI HÓA**

Điều 3. Thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

1. Nhà nước thực hiện việc bồi thường, giải phóng mặt bằng trước khi giao đất hoặc cho thuê đất cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa. Kinh phí thực hiện bồi thường, hỗ trợ tái định cư được sử dụng từ các nguồn sau:

a) Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu cho địa phương 70%;

b) Ngân sách địa phương đảm bảo 30% được sử dụng từ các nguồn:

- Đối với ngân sách tỉnh: trích từ số thu tiền sử dụng đất, tiền thu từ xổ số kiến thiết và ngân sách tỉnh;

- Đối với ngân sách huyện, thị xã: trích từ số thu tiền sử dụng đất và ngân sách huyện, thị xã.

2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa ứng trước kinh phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì Ngân sách nhà nước hoàn trả 100% giá trị đã ứng trước. Thời gian hoàn trả trong từng năm nhưng không vượt qua 3 năm.

Hàng năm, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã chịu trách nhiệm trình cấp có thẩm quyền bố trí nguồn kinh phí để hoàn trả tiền bồi thường, hỗ trợ tái định cư; tổ chức thực hiện việc hoàn trả theo đúng quy định.

3. Phân công đơn vị làm nhiệm vụ giải phóng mặt bằng

a) Ở huyện, thị xã: giao Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cấp huyện hoặc Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường hoặc Ban bồi thường giải phóng mặt bằng cấp huyện, thị xã.

b) Ở tỉnh: giao Trung tâm Phát triển quỹ đất thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 4. Miễn giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Miễn giảm tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất khi giao đất cho các cơ sở thực hiện xã hội hóa để xây dựng các công trình thuộc đối tượng được hưởng chính sách khuyến khích xã hội hóa quy định tại khoản 1, Điều 1 Quy định này như sau:

a) Giảm 50% tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê đất đối với cơ sở xã hội hoá trên địa bàn các phường thuộc thị xã, thị trấn, các xã là trung tâm huyện và trên hiện trạng đất ở.

b) Miễn 100% đối với cơ sở xã hội hoá trên địa bàn các xã còn lại.

c) Đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng nay xin chuyển mục đích để xây dựng cơ sở thuộc các lĩnh vực xã hội hoá thì miễn 100% tiền chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng các ưu đãi về giá đất khi giao đất, cho thuê đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

3. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hoá có nguyện vọng được thực hiện theo phương thức giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê để thực hiện dự án đầu tư (không thực hiện theo quy định miễn giảm tiền sử dụng đất) thì UBND tỉnh sẽ xem xét, quyết định theo thẩm quyền việc giao đất, cho thuê đất cho chủ đầu tư, dự án xã hội hóa theo quy định hiện hành về thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê. Trong trường hợp này cơ sở thực hiện xã hội hoá được trừ chi phí bồi thường đất, hỗ trợ đất đã ứng trước (nếu có) vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp; được tính giá trị quyền sử dụng đất, giá trị thuê đất vào giá trị tài sản của dự án đầu tư và có các quyền và nghĩa vụ như tổ chức kinh tế được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền một lần theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

4. Cơ sở thực hiện xã hội hóa không được chuyển nhượng đất đã được nhà nước giao để thực hiện dự án xã hội hóa. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định cho phép chuyển nhượng cơ sở thực hiện xã hội hoá thì phải bảo đảm việc chuyển nhượng không làm thay đổi mục đích sử dụng đất phục vụ hoạt động xã hội hóa. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ thực hiện việc thu hồi lại đất đã giao cho chủ đầu tư cũ để giao đất hoặc cho thuê đất đối với chủ đầu tư mới theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai.

5. Trình tự và thủ tục giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đất đai. Đối với đất không đưa vào sử dụng hoặc sử dụng không đúng mục đích thì Nhà nước sẽ thu hồi lại đất đã giao, đã cho thuê. Đồng thời phải nộp ngân sách Nhà nước toàn bộ tiền thuê đất, tiền sử dụng đất được miễn, giảm theo giá đất tại thời điểm thu hồi đối với thời gian sử dụng không đúng mục đích và phải nộp ngân sách Nhà nước những khoản cơ sở thực hiện xã hội hóa đã được ưu đãi theo Quy định này.

Điều 5. Hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, lãi vay ngân hàng.

1. Ngân sách Nhà nước bố trí vốn đầu tư để xây dựng một số hạ tầng thiết yếu về giao thông đến ranh giới của dự án xã hội hóa để phục vụ cho hoạt động của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

2. Trong trường hợp dự án xã hội hóa nằm tại khu vực chưa được đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu, được UBND tỉnh Đắk Nông chấp thuận cho cơ sở thực hiện xã hội hóa đầu tư kinh phí xây dựng các cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu về giao thông để thực hiện dự án và có phục vụ nhu cầu dân sinh tại vùng dự án, thì được ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí xây dựng kết cấu hạ tầng bằng 40% giá trị quyết toán chi phí xây dựng nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

3. Dự án xã hội hóa nằm trong các dự án, khu đô thị mới đã được nhà đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư, phải nộp chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng thì được nhà nước hỗ trợ bằng 30% chi phí xây dựng hạ tầng theo diện tích sử dụng đất của dự án xã hội hóa nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

4. Dự án do cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng đầu tư xây dựng (kể cả dự án xây nhà cho người thu nhập thấp và nhà xã hội), sau đó cho cơ sở thực hiện xã hội hóa thuê để tổ chức hoạt động, thì được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 40% tiền lãi vay ngân hàng cho cơ quan, đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nhà, cơ sở hạ tầng (theo diện tích cơ sở hạ tầng xây dựng cho thuê) nhưng tối đa không quá 01 tỷ đồng/dự án.

5. Hàng năm ngân sách bố trí từ nguồn vốn đầu tư phát triển để hỗ trợ chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng, hỗ trợ lãi vay ngân hàng đối với các trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này. Việc chi trả được thực hiện một lần sau khi cơ sở thực hiện xã hội hóa cung cấp đầy đủ hồ sơ quyết toán công trình hoàn thành được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhưng tối đa không quá 01 năm.

Điều 6. Hỗ trợ lãi suất tín dụng:

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được vay ưu đãi từ Quỹ hỗ trợ đầu tư, mức cho vay cụ thể của từng dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định căn cứ vào khả năng ngân sách địa phương và tổng mức đầu tư của từng dự án.

2. Được vay vốn tín dụng đầu tư hoặc hỗ trợ sau đầu tư theo quy định về tín dụng đầu tư của Nhà nước (Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ và Nghị định số 106/2008/NĐ-CP ngày 19/9/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2006/NĐ-CP về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước và văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính).

Điều 7. Chính sách về lệ phí trước bạ, thuế giá trị gia tăng, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp; chính sách huy động vốn.

1. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được miễn, giảm các loại thuế, lệ phí quy định tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; mục VI Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.

2. Cơ sở thực hiện xã hội hóa được phép huy động vốn của các tổ chức kinh tế, cá nhân để đầu tư phát triển cơ sở vật chất theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; mục VIII Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính.

Chương III **CÁC BIỆN PHÁP ĐẢM BẢO CHÍNH SÁCH KHUYẾN** **KHÍCH XÃ HỘI HÓA**

Điều 8. Thực hiện các thủ tục khuyến khích xã hội hóa.

Quy trình thực hiện thủ tục đối với các dự án xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Đắk Nông thực hiện theo “Quy chế một cửa liên thông” trong trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa có nhu cầu. Ngoài ra, cơ sở thực hiện xã hội hóa làm việc trực tiếp với cơ quan quản lý chuyên ngành, UBND các huyện, thị xã để thực hiện các thủ tục khác theo yêu cầu.

Điều 9. Công bố quy hoạch, danh mục dự án kêu gọi đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

1. Hàng năm, căn cứ vào khả năng ngân sách; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch; quy hoạch phát triển của ngành và nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn, UBND tỉnh công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng về dự án ưu tiên dành cho các lĩnh vực xã hội hóa quy định tại khoản 1, Điều 1 Quy định này.

Các dự án xã hội hóa thuộc quy định tại khoản 1, Điều 1 Quy định này nhưng không nằm trong danh mục kêu gọi thực hiện xã hội hóa hàng năm, cơ sở thực hiện xã hội hóa làm việc với cơ quan chức năng tại Điều 10 Quy định này để được hướng dẫn xin chủ trương đầu tư.

2. Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên cùng đăng ký một dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa thì tổ chức đấu thầu để thực hiện dự án.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 10. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã.

1. Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, căn cứ quy hoạch, kế hoạch phát triển của ngành để hướng dẫn các thủ tục, xác định nhu cầu các dự án xã hội hóa cần thực hiện, xác định vị trí, quy mô diện tích, loại hình dự án xã hội hóa gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát đầu tư trong quá trình thực hiện dự án xã hội hóa; thực hiện việc quản lý nhà nước, giám sát việc thi hành pháp luật đối với các hoạt động của cơ sở xã hội hóa theo chức năng nhiệm vụ; thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Là đầu mối giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đầu tư trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp với các sở quản lý chuyên ngành xác định dự án thực hiện chính sách khuyến khích xã hội hóa trình UBND tỉnh xem xét; cấp Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư đối với từng dự án cụ thể, làm cơ sở để các Sở, ngành có liên quan thực hiện việc hỗ trợ và áp dụng các chính sách khuyến khích phù hợp với Quy định này.

c) Chủ trì phối hợp Sở Tài chính trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện chính sách này.

3. Sở Tài chính:

a) Là cơ quan chủ trì hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa lập thủ tục nhận kinh phí hỗ trợ, thủ tục quyết toán kinh phí hỗ trợ tại Quy định này. Thẩm định và quyết toán kinh phí hỗ trợ.

b) Xác định giá đất để thu tiền tiền sử dụng đất, cho thuê đất, xác định tiền đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đối với dự án thực hiện xã hội hóa để cơ sở xã hội hóa hoặc các Sở, ngành thực hiện.

c) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện việc giải phóng mặt bằng, kinh phí thực hiện các khoản hỗ trợ tại Quy định này, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để quyết định hoặc báo cáo Bộ Tài chính để bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; hướng dẫn thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất; thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; cung cấp các thông tin về kế hoạch sử dụng đất liên quan đến các dự án xã hội hóa cho cơ sở thực hiện xã hội hóa.

b) Trên cơ sở nhu cầu sử dụng đất để thực hiện dự án xã hội hóa của các ngành trên từng địa bàn huyện, thị xã, chủ trì phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư và UBND các huyện, thị xã lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dành cho các lĩnh vực xã hội hóa trình UBND tỉnh phê duyệt.

c) Chỉ đạo Trung tâm phát triển quỹ đất thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng theo nhiệm vụ được giao.

5. Các Sở, Ban, ngành, UBND các huyện, thị xã căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở quản lý chuyên ngành hướng dẫn cơ sở thực hiện xã hội hóa thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 11. Quyền và trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa.

1. Quyền của cơ sở thực hiện xã hội hóa:

Cơ sở thực hiện xã hội hóa được các cơ quan chức năng của tỉnh tạo mọi điều kiện thuận lợi về môi trường pháp lý và cung cấp nhanh chóng, kịp thời các thông tin về quy hoạch, địa bàn, danh mục dự án thực hiện xã hội hóa và các thông tin, số liệu cần thiết khác trong phạm vi pháp luật cho phép để thực hiện dự án xã hội hóa.

2. Trách nhiệm của cơ sở thực hiện xã hội hóa:

a) Cơ sở thực hiện xã hội hóa căn cứ vào chính sách hỗ trợ và khuyến khích tại Quy định này và quy định pháp luật khác có liên quan để tự xác định các khoản được hỗ trợ, các chính sách ưu đãi được hưởng, làm các thủ tục theo quy định để xác nhận ưu đãi tại Sở Kế hoạch và Đầu tư và nhận các khoản hỗ trợ.

b) Tuân thủ các quy định pháp luật về đầu tư và các quy định pháp luật có liên quan khác của Nhà nước trong quá trình hoạt động; đảm bảo các điều kiện về chuyên môn, nghiệp vụ nhân lực, cơ sở vật chất theo quy định của pháp luật; thực hiện dự án đúng tiến độ, thời gian đã cam kết; sử dụng đất đúng mục đích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Giấy chứng nhận đầu tư.

c) Cơ sở thực hiện xã hội hóa có trách nhiệm thực hiện yêu cầu về thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng có thẩm quyền. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra, kiểm tra và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu cung cấp.

Điều 12. Khen thưởng và xử lý vi phạm.

Trong quá trình thực hiện Quy định này, tổ chức và cá nhân có thành tích xuất sắc sẽ được UBND tỉnh xem xét khen thưởng theo quy định của nhà nước. Nghiêm cấm mọi hành vi cản trở, gây khó khăn cho cơ sở thực hiện xã hội hóa. Trường hợp vi phạm, tùy theo tính chất, mức độ, phạm vi và hậu quả gây ra sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại vật chất sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Điều khoản thi hành.

1. Các cơ sở xã hội hóa được thành lập từ ngày Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ có hiệu lực thi hành, có đủ điều

kiện quy định tại khoản 1, Điều 1 Quy định này thì nay được áp dụng chính sách quy định tại Quy định này.

2. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa đang được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ của Trung ương và của tỉnh Đắk Nông trước khi Quy định này ban hành mà không trái pháp luật thì được tiếp tục được hưởng các chính sách khuyến khích, ưu đãi quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy phép đầu tư đã được cấp.

3. Trường hợp pháp luật, chính sách mới được ban hành có các chính sách khuyến khích, ưu đãi, hỗ trợ cao hơn Quy định này thì cơ sở thực hiện xã hội hóa được hưởng theo chính sách mới trong thời gian còn lại của dự án xã hội hóa kể từ ngày pháp luật, chính sách mới có hiệu lực.

4. Các vấn đề khác liên quan đến dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa không quy định tại quy định này được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ; Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật có liên quan khác./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lê Diễn